

CÔNG TY CỔ PHẦN TPP TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TPP TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TPP GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107364017

3. Ngày thành lập: 21/03/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 145, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913250387

Fax:

Email: tpptoancau@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
4.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
5.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
6.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
7.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
8.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
11.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
12.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
13.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
16.	Khai thác gỗ	0221
17.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Khai thác quặng sắt	0710
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
22.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

23.	Khai thác muối	0893
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
26.	Sản xuất rượu vang	1102
27.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	In ấn	1811
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Vận tải đường ống	4940
32.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
33.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Cơ sở lưu trú khác	5590
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
43.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Sản xuất xe có động cơ	2910
46.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Thu gom rác thải độc hại	3812
50.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
51.	Tái chế phế liệu	3830
52.	Xây dựng nhà các loại	4100
53.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
54.	Xây dựng công trình công ích	4220
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
60.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
64.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
65.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
67.	Bán mô tô, xe máy	4541
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
69.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610(Chính)
70.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
73.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
74.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
78.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
79.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
80.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
81.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
83.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
84.	Đào tạo cao đẳng	8541
85.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
86.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
87.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
88.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
89.	Quảng cáo	7310
90.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
91.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710

93.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG QUỲNH NGÀ	Số 145, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	333.000	3.330.000.000	37,000	013360959	
			Tổng số	333.000	3.330.000.000	37,000		
2	NGUYỄN THỊ CẢNH	Số 145, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	216.000	2.160.000.000	24,000	042151000005	
			Tổng số	216.000	2.160.000.000	24,000		
3	ĐẶNG HỮU LIÊN	Số 145, phố Vương Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	351.000	3.510.000.000	39,000	042048000004	
			Tổng số	351.000	3.510.000.000	39,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG HỮU LIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/12/1948

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 042048000004

Ngày cấp: 12/06/2012

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 145, phố Vương Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 145, phố Vương Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội